

**Phần 2. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT**  
**Chương V. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT**

**Mục 1. Yêu cầu về kỹ thuật**

Yêu cầu về kỹ thuật bao gồm các nội dung cơ bản như sau:

**1.1. Giới thiệu chung về dự toán, gói thầu**

- Tên gói thầu: Gói thầu số 1: Mua sắm trang phục công tác, giày cho cán bộ nhân viên khối gián tiếp và đồ vải nghiệp vụ quân y.
- Tên dự toán: Mua sắm trang phục công tác, giày cho cán bộ nhân viên khối gián tiếp và đồ vải nghiệp vụ quân y.
- Chủ đầu tư: Bệnh viện Quân y 175.
- Nguồn vốn: Kinh phí bệnh viện.
- Thời gian thực hiện hợp đồng là: 120 ngày.
- Loại hợp đồng: Trọn gói.

**1.2. Yêu cầu về kỹ thuật**

Nhà thầu cung cấp trong E-HSĐT của mình toàn bộ các hàng hóa cung cấp, thông số kỹ thuật, các bảng biểu kỹ thuật hoặc các thông tin kỹ thuật khác và cách trình bày các thông tin đó trong E-HSĐT để chứng minh hàng hóa do nhà thầu chào đầy đủ và đáp ứng các nội dung yêu cầu được quy định chi tiết như sau:

STT	Danh mục hàng hóa	Quy cách trang phục	Thành phần, thông số, đặc tính kỹ thuật vải hoặc chất liệu	ĐVT	Số lượng
<b>I. Trang phục công tác cho cán bộ nhân viên khối gián tiếp</b>					
1	Quần áo nhân viên văn	1. Áo a) Màu sắc: Màu caro xanh dương	1. Áo: - Mật độ vải:	Bộ	141

STT	Danh mục hàng hóa	Quy cách trang phục	Thành phần, thông số, đặc tính kỹ thuật vải hoặc chất liệu	ĐVT	Số lượng
	phòng, khối gián tiếp nam	<p>b) Chất liệu: Vải kate hoặc tương đương</p> <p>c) Kiểu dáng:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Áo sơ mi cổ đực, cài cúc giữa, dài tay hoặc ngắn tay</li> <li>- Cổ: Cổ đực, có chân, ve nhọn đều, bản cổ phẳng êm.</li> <li>- Tay: đường may cách đều mép, khi kéo không đứt chỉ. Manchette có 1 ly, bản to 6cm chân 2 đường chỉ song song, đính 2 khuy, cạnh machette thẳng mép với mép tay.</li> <li>- Thân trước: Nẹp lộ khuy, túi ốp ngực đáy chặt góc 2 bên, nẹp tà áo êm, phẳng tà trơn, đều.</li> <li>- Thân sau: Cầu vai may mí.</li> <li>- Gấu: lượn vạt hơi bầu, đường may đều, không vắn, không vênh.</li> <li>- Kiểu khuy: Khuy nhựa tròn màu trắng. Khuy có đường kính 11mm, dày 2mm. Khuy được đính bằng máy đúng vị trí trùng với khuyết, đính hình chữ nhật.</li> <li>- Đường may đảm bảo đúng quy cách mí, điều...đều, êm phẳng đúng thông số, đúng dáng, không sùi chỉ, không bỏ mũi, không nổi chỉ mặt ngoài sản phẩm, nẹp không nhăn vắn.</li> <li>- Chỉ may, chỉ vắt sổ đồng màu vải, không sổ lông.</li> </ul> <p>2. Quần</p> <p>a) Màu sắc: Màu xanh đen</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>+ Dọc: 660 sợi/10cm ± 5</li> <li>+ Ngang: 390 sợi/10cm ± 5</li> <li>- Độ bền đứt vải:</li> <li>+ Dọc: 970 N ± 5</li> <li>+ Ngang: 455 N ± 5</li> <li>- Độ dẫn đứt vải:</li> <li>+ Dọc: 26% ± 2</li> <li>+ Ngang: 22% ± 2</li> <li>- Độ hồi phục vải (sau 30 phút):</li> <li>+ Dọc: 99% ± 2</li> <li>+ Ngang: 99% ± 2</li> <li>- Sự dịch chuyển thuốc nhuộm: Cấp ≥ 4</li> <li>- Định tính và định lượng nguyên liệu:</li> <li>+ POLYESTER: 50% ± 3</li> <li>+ RAYON 50 % ± 3</li> <li>- Hàm lượng formaldehyde: Không phát hiện (&lt; 16 PPM)</li> <li>- Độ lệch màu: ≤ 6,5</li> <li>- Độ bền màu giặt:</li> <li>+ Phai màu: Cấp ≥ 4</li> </ul> <p>2. Quần:</p>		

STT	Danh mục hàng hóa	Quy cách trang phục	Thành phần, thông số, đặc tính kỹ thuật vải hoặc chất liệu	ĐVT	Số lượng
		<p>b) Chất liệu: Vải Cashmere hoặc tương đương</p> <p>c) Kiểu dáng:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Dáng quần ống ôm đứng</li> <li>- Quần âu hai ly, 2 túi chéo, quần nam có 1 túi sau.</li> <li>- Cạp quần: Cạp rời, bản to 4cm tra lưng quần êm phẳng, đường may mí êm. Cạp không vặn có con đĩa, cài khuy.</li> <li>- Thân trước: 2 túi chéo, đường may mí êm không banh hay bai.</li> <li>- Thân sau: 1 hoặc 2 túi cơi, có khuy cài.</li> <li>- Gấu: đường may đều, không vặn, không vênh.</li> <li>- Kiểu khóa: Dừng khóa kéo cùng màu vải, đường diều cửa quần đều, thẳng không nhăn, vặn dây kéo êm, thẳng, cửa quần che kín dây kéo.</li> <li>- Đường may đảm bảo đúng quy cách mí, diều...đều, êm phẳng đúng thông số, đúng dáng, không sùi chỉ, không bỏ mũi, không nổi chỉ mặt ngoài sản phẩm, nếp không nhăn vặn.</li> <li>- Chỉ may, chỉ vắt sổ đồng màu vải, không sổ lông.</li> <li>- Lót túi quần tương thích với màu vải quần.</li> </ul> <p>*May theo số đo từng cá nhân</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Mật độ vải:</li> <li>+ Dọc: 415 sợi/10cm ± 5</li> <li>+ Ngang: 330 sợi/10cm ± 5</li> <li>- Độ bền đứt vải:</li> <li>+ Dọc: 1040 N ± 5</li> <li>+ Ngang: 685 N ± 5</li> <li>- Độ dẫn đứt vải:</li> <li>+ Dọc: 25% ± 2</li> <li>+ Ngang: 30% ± 2</li> <li>- Độ hồi phục vải (sau 30 phút):</li> <li>+ Dọc: 99% ± 2</li> <li>+ Ngang: 99% ± 2</li> <li>- Sự dịch chuyển thuốc nhuộm: Cấp ≥ 4</li> <li>- Định tính và định lượng nguyên liệu:</li> <li>+ POLYESTER: 85% ± 3</li> <li>+ RAYON 15% ± 3</li> <li>- Hàm lượng formaldehyde: Không phát hiện (&lt; 16 PPM)</li> <li>- Độ lệch màu: ≤ 1,1</li> <li>- Độ bền màu giặt:</li> </ul>		

STT	Danh mục hàng hóa	Quy cách trang phục	Thành phần, thông số, đặc tính kỹ thuật vải hoặc chất liệu	ĐVT	Số lượng
			+ Phai màu: Cấp $\geq 4$		
2	Quần áo nhân viên văn phòng, khối gián tiếp nữ	<p><b>1. Áo:</b></p> <p>a) Màu sắc: Màu caro xanh dương</p> <p>b) Chất liệu: Vải kate hoặc tương đương</p> <p>c) Kiểu dáng:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Áo sơ mi cổ đực, cài cúc giữa, dài tay hoặc ngắn tay</li> <li>- Cổ: Cổ đực, có chân, keo ép vào vải dính chắc, đều, bản cổ phẳng êm.</li> <li>- Tay: đường may cách đều mép, khi kéo không đứt chỉ. Manchette có 1 ly, bản to 5cm chần 2 đường chỉ song song, đính 1 hoặc 2 khuy. Cạnh manchette thẳng mép với mép tay.</li> <li>- Thân trước: Nẹp bong giấu khuy, chiết 2 ly, ly chiết vuốt nhọn thoát êm, nẹp tà áo êm phẳng, tà áo trơn đều;</li> <li>- Thân sau: chiết 2 ly tạo eo, ly chiết vuốt nhọn thoát.</li> <li>- Gấu: lượn vạt hơi bầu, đường may đều, không vắn, không vênh.</li> <li>- Kiểu khuy: Khuy nhựa tròn màu trắng. Khuy có đường kính 10 - 11mm, dày 2mm. Khuy được đính bằng máy đúng vị trí trùng với khuyết, đính chữ nhị</li> </ul> <p><b>2. Quần:</b></p> <p>a) Màu sắc: Màu xanh đen</p>	<p>1. Áo:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Mật độ vải:</li> <li>+ Dọc: 660 sợi/10cm <math>\pm 5</math></li> <li>+ Ngang: 390 sợi/10cm <math>\pm 5</math></li> <li>- Độ bền đứt vải:</li> <li>+ Dọc: 970 N <math>\pm 5</math></li> <li>+ Ngang: 455 N <math>\pm 5</math></li> <li>- Độ dẫn đứt vải:</li> <li>+ Dọc: 26% <math>\pm 2</math></li> <li>+ Ngang: 22% <math>\pm 2</math></li> <li>- Độ hồi phục vải (sau 30 phút):</li> <li>+ Dọc: 99% <math>\pm 2</math></li> <li>+ Ngang: 99% <math>\pm 2</math></li> <li>- Sự dịch chuyển thuốc nhuộm: Cấp <math>\geq 4</math></li> <li>- Định tính và định lượng nguyên liệu:</li> <li>+ POLYESTER: 50% <math>\pm 3</math></li> <li>+ RAYON 50 % <math>\pm 3</math></li> <li>- Hàm lượng formaldehyde: Không phát hiện (&lt; 16 PPM)</li> </ul>	Bộ	189

STT	Danh mục hàng hóa	Quy cách trang phục	Thành phần, thông số, đặc tính kỹ thuật vải hoặc chất liệu	ĐVT	Số lượng
		<p>b) Chất liệu: Vải Cashmere hoặc tương đương</p> <p>c) Kiểu dáng:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Dáng quần ống ôm đứng</li> <li>- Cạp quần: Cạp rời, bản to 3.5cm tra lưng quần êm phẳng, đường may mí êm. Cạp không vặn có con đĩa. Có móc cài kim loại.</li> <li>- Thân trước: 2 túi chéo, miệng túi dài 13cm đường may mí êm không ban hay bai.</li> <li>- Gấu: đường may đều, không vặn, không vênh.</li> <li>- Kiểu khóa: Dừng khóa kéo cùng màu vải, đường diều cửa quần đều, thẳng không nhăn, vặn, dây kéo êm, thẳng, cửa quần che dây kín dây kéo.</li> <li>- Lót túi tương ứng với màu vải quần</li> </ul> <p>*May theo số đo từng cá nhân</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Độ lệch màu: <math>\leq 6,5</math></li> <li>- Độ bền màu giặt:</li> <li>+ Phai màu: Cấp <math>\geq 4</math></li> </ul> <p>2. Quần:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Mật độ vải:</li> <li>+ Dọc: 415 sợi/10cm <math>\pm 5</math></li> <li>+ Ngang: 330 sợi/10cm <math>\pm 5</math></li> <li>- Độ bền đứt vải:</li> <li>+ Dọc: 1040 N <math>\pm 5</math></li> <li>+ Ngang: 685 N <math>\pm 5</math></li> <li>- Độ dẫn đứt vải:</li> <li>+ Dọc: 25% <math>\pm 2</math></li> <li>+ Ngang: 30% <math>\pm 2</math></li> <li>- Độ hồi phục vải (sau 30 phút):</li> <li>+ Dọc: 99% <math>\pm 2</math></li> <li>+ Ngang: 99% <math>\pm 2</math></li> <li>- Sự dịch chuyển thuốc nhuộm: Cấp <math>\geq 4</math></li> <li>- Định tính và định lượng nguyên liệu:</li> <li>+ POLYESTER: 85% <math>\pm 3</math></li> <li>+ RAYON 15% <math>\pm 3</math></li> <li>- Hàm lượng formaldehyde: Không</li> </ul>		

STT	Danh mục hàng hóa	Quy cách trang phục	Thành phần, thông số, đặc tính kỹ thuật vải hoặc chất liệu	ĐVT	Số lượng
			phát hiện (< 16 PPM) - Độ lệch màu: $\leq 1,1$ - Độ bền màu giặt: + Phai màu: Cấp $\geq 4$		
3	Trang phục bảo vệ	<p><b>1. Áo:</b> a) Màu sắc: Màu xanh cô ban sẫm b) Chất liệu: Vải kate hoặc tương đương c) Kiểu dáng: - Áo cổ đực, cài cúc giữa, có nẹp cầu vai, tay ngắn lơ vê, Áo bo, 2 túi nắp, có khuy cài biển tên trên ngực trái.</p> <p><b>2. Quần:</b> a) Màu sắc: Màu xanh đen. b) Chất liệu: Vải kaki hoặc tương đương. c) Kiểu dáng: Quần âu 2 ly, có 1 túi sau. *May theo số đo từng cá nhân</p>	<p><b>1. Áo:</b> - Mật độ vải: + Dọc: 250 sợi/10cm <math>\pm 5</math> + Ngang: 265 sợi/10cm <math>\pm 5</math> - Độ bền đứt vải: + Dọc: 780 N <math>\pm 5</math> + Ngang: 830 N <math>\pm 5</math> - Độ dẫn đứt vải: + Dọc: 24% <math>\pm 2</math> + Ngang: 24% <math>\pm 2</math> - Độ hồi phục vải (sau 30 phút): + Dọc: 99% <math>\pm 2</math> + Ngang: 99% <math>\pm 2</math> - Định tính và định lượng nguyên liệu: + Polyester: 65% <math>\pm 3</math> + Cotton: 35% <math>\pm 3</math> - Hàm lượng formaldehyde: Không</p>	Bộ	13

STT	Danh mục hàng hóa	Quy cách trang phục	Thành phần, thông số, đặc tính kỹ thuật vải hoặc chất liệu	ĐVT	Số lượng
			<p>phát hiện (&lt; 16 PPM)</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Phai màu: Cấp <math>\geq 4</math></li> <li>- Sự dịch chuyển thuốc nhuộm: Cấp <math>\geq 4</math></li> <li>- Độ lệch màu: <math>\leq 0.2</math></li> </ul> <p><b>2. Quần:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Mật độ vải: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Dọc: 455 sợi/10cm <math>\pm 5</math></li> <li>+ Ngang: 340 sợi/10cm <math>\pm 5</math></li> </ul> </li> <li>- Độ bền đứt vải: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Dọc: 1660 N <math>\pm 5</math></li> <li>+ Ngang: 1005 N <math>\pm 5</math></li> </ul> </li> <li>- Độ dẫn đứt vải: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Dọc: 32% <math>\pm 2</math></li> <li>+ Ngang: 57% <math>\pm 2</math></li> </ul> </li> <li>- Độ hồi phục vải (sau 30 phút): <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Dọc: 99% <math>\pm 2</math></li> <li>+ Ngang: 98% <math>\pm 2</math></li> </ul> </li> <li>- Định tính và định lượng nguyên liệu: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ POLYESTER: 73% <math>\pm 3</math></li> <li>+ RAYON: 24.2% <math>\pm 3</math></li> <li>+ SPANDEX: 2.8% <math>\pm 3</math></li> </ul> </li> </ul>		

STT	Danh mục hàng hóa	Quy cách trang phục	Thành phần, thông số, đặc tính kỹ thuật vải hoặc chất liệu	ĐVT	Số lượng
			<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hàm lượng formaldehyde: Không phát hiện (&lt; 16 PPM)</li> <li>- Phai màu: <math>\geq</math> Cấp 4</li> <li>- Sự dịch chuyển thuốc nhuộm: <math>\geq</math> Cấp 4</li> <li>- Độ lệch màu: <math>\leq 0.56</math></li> </ul>		
4	Trang phục lái xe	<p><b>1. Áo:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>a) Màu sắc: Màu xanh đen;</li> <li>b) Chất liệu: Vải kate hoặc tương đương</li> <li>c) Kiểu dáng: Áo kiểu bu đông, cổ đực, ngắn tay, tay lơ vê, có nẹp cầu vai, 2 túi có nắp, có khuy cài biển tên trên ngực trái.</li> </ul> <p><b>2. Quần:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>a) Màu sắc: Màu xanh đen;</li> <li>b) Chất liệu: Vải kaki hoặc tương đương.</li> <li>c) Kiểu dáng: Quần âu 2 ly, túi xéo, có 1 túi sau.</li> </ul> <p>*May theo số đo từng cá nhân</p>	<p><b>1. Áo:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Mật độ vải:</li> <li>+ Dọc: 250 sợi/10cm <math>\pm 5</math></li> <li>+ Ngang: 260 sợi/10cm <math>\pm 5</math></li> <li>- Độ bền đứt vải:</li> <li>+ Dọc: 695 N <math>\pm 5</math></li> <li>+ Ngang: 700 N <math>\pm 5</math></li> <li>- Độ dẫn đứt vải:</li> <li>+ Dọc: 22% <math>\pm 2</math></li> <li>+ Ngang: 22% <math>\pm 2</math></li> <li>- Độ hồi phục vải (sau 30 phút):</li> <li>+ Dọc: 99% <math>\pm 2</math></li> <li>+ Ngang: 99% <math>\pm 2</math></li> <li>- Định tính và định lượng nguyên liệu:</li> <li>+ POLYESTER: 65% <math>\pm 3</math></li> </ul>	Bộ	10

STT	Danh mục hàng hóa	Quy cách trang phục	Thành phần, thông số, đặc tính kỹ thuật vải hoặc chất liệu	ĐVT	Số lượng
			<p>+ COTTON: 35% ± 3</p> <p>- Hàm lượng formaldehyde: Không phát hiện (&lt; 16 PPM)</p> <p>- Phai màu: ≥ Cấp 4</p> <p>- Sự dịch chuyển thuốc nhuộm: ≥ Cấp 3</p> <p>- Độ lệch màu: ≤ 0.37</p> <p><b>2. Quần:</b></p> <p>- Mật độ vải:</p> <p>+ Dọc: 455 sợi/10cm ± 5</p> <p>+ Ngang: 340 sợi/10cm ± 5</p> <p>- Độ bền đứt vải:</p> <p>+ Dọc: 1660 N ± 5</p> <p>+ Ngang: 1005 N ± 5</p> <p>- Độ dẫn đứt vải:</p> <p>+ Dọc: 32% ± 2</p> <p>+ Ngang: 57% ± 2</p> <p>- Độ hồi phục vải (sau 30 phút):</p> <p>+ Dọc: 99% ± 2</p> <p>+ Ngang: 98% ± 2</p> <p>- Định tính và định lượng nguyên liệu:</p> <p>+ POLYESTER: 73% ± 3</p>		

STT	Danh mục hàng hóa	Quy cách trang phục	Thành phần, thông số, đặc tính kỹ thuật vải hoặc chất liệu	ĐVT	Số lượng
			+ RAYON: 24.2% ± 3 + SPANDEX: 2.8% ± 3 - Hàm lượng formaldehyde: Không phát hiện (< 16 PPM) - Phai màu: ≥ Cấp 4 - Sự dịch chuyển thuốc nhuộm: ≥ Cấp 4 - Độ lệch màu: ≤ 0.56		
5	Trang phục nhân viên nấu ăn	<b>1. Áo:</b> a) Màu sắc: Màu xanh b) Chất liệu: Vải kate hoặc tương đương c) Kiểu dáng: - Áo phục vụ cổ trái tim, ngắn tay - Đường may đảm bảo đúng quy cách mí, điều...đều, êm phẳng đúng thông số, đúng dáng, không sùỉ chỉ, không bỏ mũi, không nổi chỉ mặt ngoài sản phẩm, nẹp không nhăn vắn. - Chỉ may, chỉ vắt sổ đồng màu vải, không sổ lông. <b>2. Quần:</b> a) Màu sắc: Màu xanh đen b) Chất liệu: Vải kate hoặc tương đương c) Kiểu dáng:	<b>1. Áo:</b> - Mật độ vải: + Dọc: 284 sợi/10cm ± 5 + Ngang: 267 sợi/10cm ± 5 - Độ bền đứt vải: + Dọc: 900 N ± 5 + Ngang: 850 N ± 5 - Độ dẫn đứt vải: + Dọc: 25.6 % ± 2 + Ngang: 26.6 % ± 2 - Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt: + Dọc: $C_o \leq 0.9 \%$	Bộ	123

STT	Danh mục hàng hóa	Quy cách trang phục	Thành phần, thông số, đặc tính kỹ thuật vải hoặc chất liệu	ĐVT	Số lượng
		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Dáng quần ống ôm đứng</li> <li>- Cạp quần: Cạp rời, bản to 3.5cm tra lưng quần êm phẳng, đường may mí êm. Cạp không vặn có con đĩa. Có móc cài kim loại.</li> <li>- Thân trước: 2 túi chéo, miệng túi dài 13cm đường may mí êm không banh hay bai.</li> <li>*May theo số đo từng cá nhân</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>+ Ngang: <math>Co \leq 0.7 \%</math></li> <li>- Định tính và định lượng nguyên liệu:</li> <li>+ POLYESTER: <math>65 \% \pm 2</math></li> <li>+ COTTON: <math>35 \% \pm 2</math></li> <li>- Hàm lượng formaldehyde: Không phát hiện (<math>&lt; 16 \text{ PPM}</math>)</li> <li>- Phai màu: Cấp <math>\geq 4</math></li> <li>- Sự dịch chuyển thuốc nhuộm: Cấp <math>\geq 4</math></li> <li>- Độ lệch màu: <math>\leq 0.17</math></li> <li>- Độ dẫn vải:</li> <li>+ Dọc: <math>5.4 \% \pm 2</math></li> <li>+ Ngang: <math>6.5 \% \pm 2</math></li> <li>- Độ hồi phục vải (sau 1 phút):</li> <li>+ Dọc: <math>99 \% \pm 2</math></li> <li>+ Ngang: <math>99 \% \pm 2</math></li> <li><b>2. Quần:</b></li> <li>- Mật độ vải:</li> <li>+ Dọc: 250 sợi/10cm <math>\pm 5</math></li> <li>+ Ngang: 260 sợi/10cm <math>\pm 5</math></li> <li>- Độ bền đứt vải:</li> <li>+ Dọc: 695 N <math>\pm 5</math></li> </ul>		

STT	Danh mục hàng hóa	Quy cách trang phục	Thành phần, thông số, đặc tính kỹ thuật vải hoặc chất liệu	ĐVT	Số lượng
			+ Ngang: $700\text{ N} \pm 5$ - Độ dẫn đứt vải: + Dọc: $22\% \pm 2$ + Ngang: $22\% \pm 2$ - Độ hồi phục vải (sau 30 phút): + Dọc: $99\% \pm 2$ + Ngang: $99\% \pm 2$ - Định tính và định lượng nguyên liệu: + POLYESTER: $65\% \pm 3$ + COTTON: $35\% \pm 3$ - Hàm lượng formaldehyde: Không phát hiện ( $< 16\text{ PPM}$ ) - Phai màu: $\geq$ Cấp 4 - Sự dịch chuyển thuốc nhuộm: $\geq$ Cấp 3 - Độ lệch màu: $\leq 0.37$		
6	Trang phục kỹ sư, nhân viên bảo trì, sửa chữa	<b>1. Áo:</b> a) Màu sắc: Màu xanh đen; b) Chất liệu: Vải kate hoặc tương đương. c) Kiểu dáng: Áo kiểu bu đông ngắn tay, tay lơ vê, có nẹp cầu vai, 2 túi có nắp, có khuy cài biển tên trên ngực trái.	<b>1. Áo:</b> - Mật độ vải: + Dọc: $250\text{ sợi}/10\text{cm} \pm 5$ + Ngang: $260\text{ sợi}/10\text{cm} \pm 5$ - Độ bền đứt vải:	Bộ	48

STT	Danh mục hàng hóa	Quy cách trang phục	Thành phần, thông số, đặc tính kỹ thuật vải hoặc chất liệu	ĐVT	Số lượng
		<p><b>2. Quần:</b></p> <p>a) Màu sắc: Màu xanh đen;</p> <p>b) Chất liệu: Vải kaki hoặc tương đương.</p> <p>c) Kiểu dáng: Quần âu 2 ly, có 1 túi sau.</p> <p>*May theo số đo từng cá nhân</p>	<p>+ Dọc: 695 N ± 5</p> <p>+ Ngang: 700 N ± 5</p> <p>- Độ dẫn dứt vải:</p> <p>+ Dọc: 22% ± 2</p> <p>+ Ngang: 22% ± 2</p> <p>- Độ hồi phục vải (sau 30 phút):</p> <p>+ Dọc: 99% ± 2</p> <p>+ Ngang: 99% ± 2</p> <p>- Định tính và định lượng nguyên liệu:</p> <p>+ POLYESTER: 65% ± 3</p> <p>+ COTTON: 35% ± 3</p> <p>- Hàm lượng formaldehyde: Không phát hiện (&lt; 16 PPM)</p> <p>- Phai màu: ≥ Cấp 4</p> <p>- Sự dịch chuyển thuốc nhuộm: ≥ Cấp 3</p> <p>- Độ lệch màu: ≤ 0.37</p> <p><b>2. Quần:</b></p> <p>- Mật độ vải:</p> <p>+ Dọc: 455 sợi/10cm ± 5</p> <p>+ Ngang: 340 sợi/10cm ± 5</p> <p>- Độ bền dứt vải:</p>		

STT	Danh mục hàng hóa	Quy cách trang phục	Thành phần, thông số, đặc tính kỹ thuật vải hoặc chất liệu	ĐVT	Số lượng
			<ul style="list-style-type: none"> <li>+ Dọc: 1660 N ± 5</li> <li>+ Ngang: 1005 N ± 5</li> <li>- Độ dẫn đứt vải:</li> <li>+ Dọc: 32% ± 2</li> <li>+ Ngang: 57% ± 2</li> <li>- Độ hồi phục vải (sau 30 phút):</li> <li>+ Dọc: 99% ± 2</li> <li>+ Ngang: 98% ± 2</li> <li>- Định tính và định lượng nguyên liệu:</li> <li>+ POLYESTER: 73% ± 3</li> <li>+ RAYON: 24.2% ± 3</li> <li>+ SPANDEX: 2.8% ± 3</li> <li>- Hàm lượng formaldehyde: Không phát hiện (&lt; 16 PPM)</li> <li>- Phai màu: ≥ Cấp 4</li> <li>- Sự dịch chuyển thuốc nhuộm: ≥ Cấp 4</li> <li>- Độ lệch màu: ≤ 0.56</li> </ul>		
7	Giày da nam	- Giày da kiểu giày lười thấp cổ, mũi & hậu in vân ngang trang trí; mũ giày bằng da bò Nappa hoặc tương đương, thuộc nguyên cật, nhuộm xuyên màu đen, vân tự nhiên, da mềm dẻo. Lót trong bằng da lót	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Độ ẩm: ≤ 18 %</li> <li>- Độ dày: khoảng từ 1,4 ÷ 1,8 mm</li> <li>- Độ bền kéo đứt ≥ 16 N/mm<sup>2</sup></li> </ul>	Đôi	140

STT	Danh mục hàng hóa	Quy cách trang phục	Thành phần, thông số, đặc tính kỹ thuật vải hoặc chất liệu	ĐVT	Số lượng
		<p>bò màu vàng kem, phần cổ giày có chun hai bên co giãn, thuận lợi cho việc sử dụng.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đế được sản xuất bằng chất liệu Polyether hoặc tương đương, đúc định hình. Mặt dưới đế thiết kế các nút hoa văn tạo ma sát, chống trơn trượt, tên đơn vị sản xuất và cỡ số giày đúc nổi.</li> <li>- Lót mặt ta lon (lót đế) bằng da lót bò màu kem, ép cao tần tên nhà sản xuất, đệm nút định hình.</li> <li>- Mũ và đế giày liên kết với nhau bằng công nghệ gò và dán, dùng loại keo dán chuyên dụng.</li> <li>- Ngoại quan sản phẩm giày da nam; cân đối, không nhăn vụn, hình dáng ổn định. Đường may đảm bảo mật độ mũi chỉ, không nổi chỉ, không bỏ mũi hoặc tuột chỉ. Các chi tiết gấp mép phải đều, đẹp. Liên kết mũ giày và đế chắc chắn, không được thiếu keo hoặc lem keo. Sản phẩm đảm bảo điều kiện vệ sinh công nghiệp.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Độ dẫn dài khi đứt <math>\leq 60\%</math></li> <li>- Độ bền xé rách <math>\geq 20</math> N/mm</li> <li>- Hàm lượng chất hòa tan trong Eteetyl <math>3\div 8\%</math></li> <li>- Hàm lượng <math>Cr_2O_3 \leq 6\%</math></li> <li>- Độ bền kéo đứt <math>\geq 300</math> N/cm<sup>2</sup></li> <li>- Độ dẫn dài khi đứt <math>\geq 200\%</math></li> <li>- Khối lượng riêng <math>\leq 1,2</math> g/cm<sup>3</sup></li> <li>- Độ cứng <math>55 \pm 5</math> Shore A</li> <li>- Lượng mài mòn <math>\leq 1,5</math> cm<sup>3</sup>/1,61km</li> </ul>		
8	Giày da nữ	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giày da kiểu giày thuyền - bít thấp cổ, mũi trơn không vân ngang; mũ giày bằng da bò Nappa hoặc tương đương, thuộc nguyên cật, nhuộm xuyên màu đen, vân tự nhiên, da mềm dẻo. Lót trong bằng vải thun cán nút xếp màu vàng kem. Lót hậu bằng vải nỉ.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Độ ẩm: <math>\leq 18\%</math></li> <li>- Độ dày: trong khoảng từ <math>1,2 \div 1,4</math> mm</li> <li>- Độ bền kéo đứt <math>\geq 14</math> N/mm<sup>2</sup></li> <li>- Độ dẫn dài khi đứt <math>\leq 60\%</math></li> </ul>	Đôi	133

STT	Danh mục hàng hóa	Quy cách trang phục	Thành phần, thông số, đặc tính kỹ thuật vải hoặc chất liệu	ĐVT	Số lượng
		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đế giày bằng TPR (Thermoplastic Rubber) hoặc tương đương, màu đen, Phần lõi gót bằng nhựa ABS. Mặt dưới đế thiết kế các hoa văn tạo ma sát, chống trơn trượt; bụng đế có đúc cỡ số và logo của đơn vị sản xuất.</li> <li>- Lót mặt ta lon (lót đế) bằng da lót heo màu kem, ép cao tần tên đơn vị sản xuất, phía dưới đệm lớp cao su non tạo êm.</li> <li>- Mũ và đế giày liên kết với nhau bằng công nghệ gò và dán, dùng loại keo dán chuyên dụng.</li> <li>- Ngoại quan sản phẩm giày da nữ; cân đối, không nhăn vụn, hình dáng ổn định. Đường may đảm bảo mật độ mũi chỉ, không nổi chỉ, không bỏ mũi hoặc tuột chỉ. Các chi tiết gấp mép phải đều, đẹp. Liên kết mũ giày và đế chắc chắn, không được thiếu keo hoặc lem keo. Sản phẩm đảm bảo điều kiện vệ sinh công nghiệp.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Độ bền xé rách <math>\geq 20</math> N/mm</li> <li>- Hàm lượng chất hòa tan trong Ete etyl 3÷8 %</li> <li>- Hàm lượng Cr2O3 <math>\leq 6</math> %</li> <li>- Độ bền kéo đứt <math>\geq 250</math> N/cm<sup>2</sup></li> <li>- Độ giãn dài khi đứt <math>\geq 220</math> %</li> <li>- Khối lượng riêng <math>\leq 1,3</math> g/cm<sup>3</sup></li> <li>- Độ cứng <math>60 \pm 5</math> Shore A</li> <li>- Lượng mài mòn <math>\leq 1,2</math> cm<sup>3</sup>/1,61km</li> </ul>		
<b>II. Trang phục nhân viên chăm sóc khách hàng, Khám bệnh theo yêu cầu</b>					
9	Quần áo công tác	<b>1. Áo</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>a) Màu sắc: Màu caro xanh dương</li> <li>b) Chất liệu: Vải kate hoặc tương đương</li> <li>c) Kiểu dáng: <ul style="list-style-type: none"> <li>- Áo sơ mi cổ đực, cài cúc giữa, dài tay hoặc ngắn tay</li> </ul> </li> </ul>	<b>1. Áo:</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Mật độ vải: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Dọc: 660 sợi/10cm <math>\pm 5</math></li> <li>+ Ngang: 390 sợi/10cm <math>\pm 5</math></li> </ul> </li> </ul>	Bộ	100

STT	Danh mục hàng hóa	Quy cách trang phục	Thành phần, thông số, đặc tính kỹ thuật vải hoặc chất liệu	ĐVT	Số lượng
		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Cổ: Cổ đực, có chân, ve nhọn đều, bản cổ phẳng êm.</li> <li>- Tay: đường may cách đều mép, khi kéo không đứt chỉ.</li> <li>- Thân trước: Nẹp lộ khuy (túi ốp ngực đáy chặt góc 2 bên đối với nam), nẹp tà áo êm, phẳng tà trơn, đều.</li> <li>- Thân sau: Cầu vai may mí đối với nam; chiết 2 ly tạo eo, ly chiết vuốt nhọn thoát đối với nữ.</li> <li>- Gấu: lượn vạt hơi bầu, đường may đều, không vắn, không vênh.</li> <li>- Kiểu khuy: Khuy nhựa tròn màu trắng. Khuy có đường kính 11mm, dày 2mm. Khuy được đính bằng máy đúng vị trí trùng với khuyết, đính hình chữ nhật.</li> <li>- Đường may đảm bảo đúng quy cách mí, đều...đều, êm phẳng đúng thông số, đúng dáng, không sùỉ chỉ, không bỏ mũi, không nổi chỉ mặt ngoài sản phẩm, nẹp không nhăn vắn.</li> <li>- Chỉ may, chỉ vắt sổ đồng màu vải, không sổ lông.</li> </ul> <p><b>2. Quần</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>a) Màu sắc: Màu đen</li> <li>b) Chất liệu: Vải Bambo hoặc tương đương.</li> <li>c) Kiểu dáng: <ul style="list-style-type: none"> <li>- Dáng quần ống ôm đứng</li> <li>- Quần âu hai ly, 2 túi chéo, quần nam có 1 túi sau.</li> </ul> </li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Độ bền đứt vải: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Dọc: 970 N ± 5</li> <li>+ Ngang: 455 N ± 5</li> </ul> </li> <li>- Độ dẫn đứt vải: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Dọc: 26% ± 2</li> <li>+ Ngang: 22% ± 2</li> </ul> </li> <li>- Độ hồi phục vải (sau 30 phút): <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Dọc: 99% ± 2</li> <li>+ Ngang: 99% ± 2</li> </ul> </li> <li>- Sự dịch chuyển thuốc nhuộm: Cấp ≥ 4</li> <li>- Định tính và định lượng nguyên liệu: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ POLYESTER: 50% ± 3</li> <li>+ RAYON 50 % ± 3</li> </ul> </li> <li>- Hàm lượng formaldehyde: Không phát hiện (&lt; 16 PPM)</li> <li>- Độ lệch màu: ≤ 6,5</li> <li>- Độ bền màu giặt: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Phai màu: Cấp ≥ 4</li> </ul> </li> </ul> <p><b>2. Quần:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Mật độ vải: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Dọc: 512 sợi/10cm ± 5</li> </ul> </li> </ul>		

STT	Danh mục hàng hóa	Quy cách trang phục	Thành phần, thông số, đặc tính kỹ thuật vải hoặc chất liệu	ĐVT	Số lượng
		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Cạp quần: Cạp rời, tra lưng quần êm phẳng, đường may mí êm. Cạp không vặn có con đĩa, cài khuy.</li> <li>- Thân trước: 2 túi chéo, đường may mí êm không banh hay bai.</li> <li>- Thân sau: 1 hoặc 2 túi cơi, có khuy cài (nam).</li> <li>- Gấu: đường may đều, không vặn, không vênh.</li> <li>- Kiểu khóa: Dừng khóa kéo cùng màu vải, đường diễu cửa quần đều, thẳng không nhăn, vặn dây kéo êm, thẳng, cửa quần che kín dây kéo.</li> <li>- Đường may đảm bảo đúng quy cách mí, diễu...đều, êm phẳng đúng thông số, đúng dáng, không sù chỉ, không bỏ mũi, không nổi chỉ mặt ngoài sản phẩm, nếp không nhăn vặn.</li> <li>- Chỉ may, chỉ vắt sổ đồng màu vải, không sổ lông.</li> <li>- Lót túi quần tương thích với màu vải quần.</li> </ul> <p>*May theo số đo từng cá nhân</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>+ Ngang: 364 sợi/10cm ± 5</li> <li>- Độ bền đứt vải:</li> <li>+ Dọc: 1369 N ± 5</li> <li>+ Ngang: 958 N ± 5</li> <li>- Độ dẫn đứt vải:</li> <li>+ Dọc: 28% ± 3</li> <li>+ Ngang: 45% ± 3</li> <li>- Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt:</li> <li>+ Dọc: <math>Co \leq 0.7\%</math></li> <li>+ Ngang: <math>Co \leq 0.3\%</math></li> <li>- Định tính và định lượng nguyên liệu:</li> <li>+ Polyester: 66% ± 2</li> <li>+ Rayon: 31% ± 2</li> <li>+ Spandex: 3% ± 2</li> <li>- Hàm lượng formaldehyde: Không phát hiện (&lt; 16 PPM)</li> <li>- Phai màu: ≥ Cấp 4</li> <li>- Sự dịch chuyển thuốc nhuộm: ≥ Cấp 3</li> <li>- Độ lệch màu: <math>\leq 0.55</math></li> <li>- Độ dẫn vải:</li> </ul>		

STT	Danh mục hàng hóa	Quy cách trang phục	Thành phần, thông số, đặc tính kỹ thuật vải hoặc chất liệu	ĐVT	Số lượng
			+ Dọc: $\leq 1\%$ + Ngang: $\leq 2\%$ - Độ hồi phục vải (sau 1 phút): + Dọc: $99\% \pm 2$ + Ngang: $98\% \pm 2$		
<b>III. Đồ vải Khoa C16</b>					
10	Quần áo lấy máu	<p><b>1. Áo:</b> Áo kaki thun, màu đỏ, vải: Kaki thun</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đường may đảm bảo đúng quy cách mí, diều...đều, êm phẳng đúng thông số, đúng dáng, không sùi chỉ, không bỏ mũi, không nổi chỉ mặt ngoài sản phẩm, nẹp không nhăn vụn.</li> <li>- Chỉ may, chỉ vắt sổ đồng màu vải, không sổ lông.</li> </ul> <p><b>2. Quần</b> tây, không ly, 2 túi trước</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đường may đảm bảo đúng quy cách mí, diều...đều, êm phẳng đúng thông số, đúng dáng, không sùi chỉ, không bỏ mũi, không nổi chỉ mặt ngoài sản phẩm, nẹp không nhăn vụn.</li> <li>- Chỉ may, chỉ vắt sổ đồng màu vải, không sổ lông.</li> </ul> <p>Vải Bambo màu đen.</p>	<p><b>1. Áo:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Mật độ vải:</li> <li>+ Dọc: 465 sợi/10cm <math>\pm 5</math></li> <li>+ Ngang: 328 sợi/10cm <math>\pm 5</math></li> <li>- Độ bền đứt vải:</li> <li>+ Dọc: 1782N <math>\pm 5</math></li> <li>+ Ngang: 1001 N <math>\pm 5</math></li> <li>- Độ dẫn đứt vải:</li> <li>+ Dọc: 32.8% <math>\pm 3</math></li> <li>+ Ngang: 55.3% <math>\pm 3</math></li> <li>- Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt:</li> <li>+ Dọc: <math>Co \leq 0.4\%</math></li> <li>+ Ngang: <math>Co \leq 0.1\%</math></li> <li>- Định tính và định lượng nguyên liệu:</li> </ul>	Bộ	84

STT	Danh mục hàng hóa	Quy cách trang phục	Thành phần, thông số, đặc tính kỹ thuật vải hoặc chất liệu	ĐVT	Số lượng
			<p>+ POLYESTER: 75% ± 3            + RAYON: 23% ± 3            + SPANDEX: 2% ± 3            - Hàm lượng formaldehyde: Không phát hiện (&lt; 16 PPM)            - Phai màu: ≥ Cấp 4            - Sự dịch chuyển thuốc nhuộm: ≥ Cấp 3            - Độ lệch màu: ≤ 0.35            - Độ dẫn vải:            + Dọc: ≤ 6%            + Ngang: ≤ 22%            - Độ hồi phục vải (sau 30 phút):            + Dọc: 99% ± 2            + Ngang: 98% ± 2</p> <p><b>2. Quần:</b>            - Mật độ vải:            + Dọc: 512 sợi/10cm ± 5            + Ngang: 364 sợi/10cm ± 5            - Độ bền đứt vải:            + Dọc: 1369 N ± 5            + Ngang: 958 N ± 5</p>		

STT	Danh mục hàng hóa	Quy cách trang phục	Thành phần, thông số, đặc tính kỹ thuật vải hoặc chất liệu	ĐVT	Số lượng
			<ul style="list-style-type: none"> <li>- Độ dẫn đứt vải:</li> <li>+ Dọc: 28% ± 3</li> <li>+ Ngang: 45% ± 3</li> <li>- Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt:</li> <li>+ Dọc: <math>Co \leq 0.7\%</math></li> <li>+ Ngang: <math>Co \leq 0.3\%</math></li> <li>- Định tính và định lượng nguyên liệu:</li> <li>+ Polyester: 66% ± 2</li> <li>+ Rayon: 31% ± 2</li> <li>+ Spandex: 3% ± 2</li> <li>- Hàm lượng formaldehyde: Không phát hiện (&lt; 16 PPM)</li> <li>- Phai màu: ≥ Cấp 4</li> <li>- Sự dịch chuyển thuốc nhuộm: ≥ Cấp 3</li> <li>- Độ lệch màu: ≤ 0.55</li> <li>- Độ dẫn vải:</li> <li>+ Dọc: ≤ 1%</li> <li>+ Ngang: ≤ 2%</li> <li>- Độ hồi phục vải (sau 1 phút):</li> <li>+ Dọc: 99% ± 2</li> </ul>		

STT	Danh mục hàng hóa	Quy cách trang phục	Thành phần, thông số, đặc tính kỹ thuật vải hoặc chất liệu	ĐVT	Số lượng
			+ Ngang: 98% ± 2		
11	Bao ghế lấy máu	- Chất liệu: Kate Ford màu trắng - Kiểu dáng: Theo mẫu CĐT	- Mật độ vải: + Dọc: 252 sợi/10cm ± 5 + Ngang: 264 sợi/10cm ± 5 - Độ bền đứt vải: + Dọc: 739 N ± 10 + Ngang: 745 N ± 10 - Độ dẫn đứt vải: + Dọc: 26% ± 2 + Ngang: 24% ± 2 - Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt: + Dọc: $Co \leq 1.1\%$ + Ngang: $Co \leq 1.5\%$ - Định tính và định lượng nguyên liệu: + POLYESTER: 65% ± 2 + COTTON: 35% ± 2 - Hàm lượng formaldehyde: Không phát hiện (< 16 PPM) - Phai màu: ≥ Cấp 4 - Sự dịch chuyển thuốc nhuộm: ≥ Cấp	Bao	84

STT	Danh mục hàng hóa	Quy cách trang phục	Thành phần, thông số, đặc tính kỹ thuật vải hoặc chất liệu	ĐVT	Số lượng
			4 - Độ lệch màu: $\leq 0.44$ - Độ dẫn vải: + Dọc: $1\% \pm 2$ + Ngang: $1\% \pm 2$ - Độ hồi phục vải (sau 1 phút): + Dọc: $99\% \pm 2$ + Ngang: $99\% \pm 2$		
12	Gói lấy máu	- Chất liệu: Kate Ford màu trắng - Kiểu dáng: Theo mẫu CĐT	- Mật độ vải: + Dọc: 252 sợi/10cm $\pm 5$ + Ngang: 264 sợi/10cm $\pm 5$ - Độ bền đứt vải: + Dọc: 739 N $\pm 10$ + Ngang: 745 N $\pm 10$ - Độ dẫn đứt vải: + Dọc: $26\% \pm 2$ + Ngang: $24\% \pm 2$ - Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt: + Dọc: $C_o \leq 1.1\%$ + Ngang: $C_o \leq 1.5\%$	Cái	60

STT	Danh mục hàng hóa	Quy cách trang phục	Thành phần, thông số, đặc tính kỹ thuật vải hoặc chất liệu	ĐVT	Số lượng
			<ul style="list-style-type: none"> <li>- Định tính và định lượng nguyên liệu:</li> <li>+ POLYESTER: 65% ± 2</li> <li>+ COTTON: 35% ± 2</li> <li>- Hàm lượng formaldehyde: Không phát hiện (&lt; 16 PPM)</li> <li>- Phai màu: ≥ Cấp 4</li> <li>- Sự dịch chuyển thuốc nhuộm: ≥ Cấp 4</li> <li>- Độ lệch màu: ≤ 0.44</li> <li>- Độ dẫn vải:</li> <li>+ Dọc: 1% ± 2</li> <li>+ Ngang: 1% ± 2</li> <li>- Độ hồi phục vải (sau 1 phút):</li> <li>+ Dọc: 99% ± 2</li> <li>+ Ngang: 99% ± 2</li> </ul>		
<b>IV. Đồ vải phục vụ khám sức khỏe của Phòng KHTH</b>					
13	Quần áo Bệnh nhân Khám bệnh	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Áo:</li> <li>Chất liệu: Vải kate</li> <li>Màu sắc: Hoa tiết hoa văn;</li> <li>Kiểu dáng: Pyjama</li> <li>Áo cổ tim, cài cúc giữa, dài tay, chiều dài áo ngang</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Mật độ vải:</li> <li>+ Dọc: 556 sợi/10cm ± 5</li> <li>+ Ngang: 280 sợi/10cm ± 5</li> <li>- Độ bền đứt băng vải:</li> <li>+ Dọc: 674 N ± 5</li> </ul>	Bộ	40

STT	Danh mục hàng hóa	Quy cách trang phục	Thành phần, thông số, đặc tính kỹ thuật vải hoặc chất liệu	ĐVT	Số lượng
		<p>mông, phía trước có 3 túi, in lô gô Bệnh viện bên ngực trái.</p> <p><b>- Quần:</b>            Chất liệu: Vải kate            Màu sắc: Cùng màu áo.            Kiểu dáng: Cạp quần chun + dây luồn. (đảm bảo chắc chắn hơn, tiện lợi cho bệnh nhân điều chỉnh vừa)</p>	<p>+ Ngang: <math>270 N \pm 5</math>            - Độ dẫn đứt băng vải:            + Dọc: <math>15\% \pm 2</math>            + Ngang: <math>14.5\% \pm 2</math>            - Sự thay đổi kích thước sau 5 chu kỳ giặt:            - Độ dẫn vải:            + Dọc: <math>\leq 2\%</math>            + Ngang: <math>\leq 4.5\%</math>            - Độ hồi phục vải sau 30 phút            + Dọc: <math>99\% \pm 2</math>            + Ngang: <math>99\% \pm 2</math>            - Định tính và định lượng nguyên liệu:            + POLYESTER: <math>62.4\% \pm 3</math>            + COTTON: <math>37.6\% \pm 3</math>            - Hàm lượng formaldehyde: Không phát hiện (<math>&lt; 16</math> PPM)            - Phai màu: <math>\geq</math> Cấp 4            - Sự dịch chuyển thuốc nhuộm: <math>\geq</math> Cấp 4            - Độ lệch màu:            + DE <math>\leq 0,5</math></p>		

STT	Danh mục hàng hóa	Quy cách trang phục	Thành phần, thông số, đặc tính kỹ thuật vải hoặc chất liệu	ĐVT	Số lượng
14	Váy khám phụ khoa	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu: Vải Kate.</li> <li>- Màu xanh dương</li> <li>- Quy cách: Váy lưng dây rút và dây chun có in lô gô Bệnh viện.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Mật độ vải:</li> <li>+ Dọc: 284 sợi/10cm ± 5</li> <li>+ Ngang: 267 sợi/10cm ± 5</li> <li>- Độ bền đứt vải:</li> <li>+ Dọc: 900 N ± 5</li> <li>+ Ngang: 850 N ± 5</li> <li>- Độ dẫn đứt vải:</li> <li>+ Dọc: 25.6 % ± 2</li> <li>+ Ngang: 26.6 % ± 2</li> <li>- Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt:</li> <li>+ Dọc: <math>Co \leq 0.9 \%</math></li> <li>+ Ngang: <math>Co \leq 0.7 \%</math></li> <li>- Định tính và định lượng nguyên liệu:</li> <li>+ POLYESTER: 65 % ± 2</li> <li>+ COTTON: 35 % ± 2</li> <li>- Hàm lượng formaldehyde: Không phát hiện (&lt; 16 PPM)</li> <li>- Phai màu: Cấp ≥ 4</li> <li>- Sự dịch chuyển thuốc nhuộm: Cấp ≥ 4</li> <li>- Độ lệch màu: ≤ 0.17</li> </ul>	Cái	30

STT	Danh mục hàng hóa	Quy cách trang phục	Thành phần, thông số, đặc tính kỹ thuật vải hoặc chất liệu	ĐVT	Số lượng
			<ul style="list-style-type: none"> <li>- Độ dẫn vải:</li> <li>+ Dọc: 5.4 % ± 2</li> <li>+ Ngang: 6.5 % ± 2</li> <li>- Độ hồi phục vải (sau 1 phút):</li> <li>+ Dọc: 99 % ± 2</li> <li>+ Ngang: 99 % ± 2</li> </ul>		
<b>V. Đồ vải Khoa A16</b>					
15	Quần áo Bệnh nhân nữ A16	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu: Vải Kate</li> <li>- Quy cách: Áo Kiểu pyjama, tay dài ,cổ tim , cài cúc giữ, chiều dài áo ngang hông , phía trước có 2 túi ,quần lung dây rút và dây thun, có in lô gô bệnh viện, in tên Khoa Quốc tế, Hoa văn ô vuông.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Mật độ vải:</li> <li>+ Dọc: 710 sợi/10cm ± 5</li> <li>+ Ngang: 410 sợi/10cm ± 5</li> <li>- Độ bền đứt băng vải:</li> <li>+ Dọc: 1090 N ± 10</li> <li>+ Ngang: 370 N ± 10</li> <li>- Độ dẫn đứt băng vải:</li> <li>+ Dọc: 25 % ± 5</li> <li>+ Ngang: 40% ± 5</li> <li>- Sự thay đổi kích thước sau 5 chu kỳ giặt:</li> <li>- Độ dẫn vải:</li> <li>+ Dọc: ≤ 3%</li> <li>+ Ngang: ≤ 32%</li> </ul>	Bộ	200

STT	Danh mục hàng hóa	Quy cách trang phục	Thành phần, thông số, đặc tính kỹ thuật vải hoặc chất liệu	ĐVT	Số lượng
			<ul style="list-style-type: none"> <li>- Độ hồi phục vải sau 30 phút</li> <li>+ Dọc: 98% ± 1</li> <li>+ Ngang: 98% ± 1</li> <li>- Định tính và định lượng nguyên liệu:</li> <li>+ POLYESTER: 84% ± 3</li> <li>+ SPANDER: 6 % ± 3</li> <li>+RAYON: 10 ± 3</li> <li>- Hàm lượng formaldehyde: Không phát hiện (&lt; 16 PPM)</li> <li>- Phai màu: ≥ Cấp 4</li> <li>- Sự dịch chuyển thuốc nhuộm: ≥ Cấp 4</li> </ul>		
16	Quần áo Bệnh nhân Nam A16	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu: Vải Kate</li> <li>- Quy cách: Áo Kiểu pyjama, tay dài, cổ 2 ve, cài cúc giữa, chiều dài áo ngang hông , phía trước có 3 túi ,quần lung dây rút và dây thun, có in lô gô bệnh viện, in tên Khoa Quốc tế, hoa văn con toán.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Mật độ vải:</li> <li>+ Dọc: 710 sợi/10cm ± 5</li> <li>+ Ngang: 410 sợi/10cm ± 5</li> <li>- Độ bền đứt băng vải:</li> <li>+ Dọc: 1090 N ± 10</li> <li>+ Ngang: 370 N ± 10</li> <li>- Độ dẫn đứt băng vải:</li> <li>+ Dọc: 25 % ± 5</li> <li>+ Ngang: 40% ± 5</li> <li>- Sự thay đổi kích thước sau 5 chu kỳ</li> </ul>	Bộ	200

STT	Danh mục hàng hóa	Quy cách trang phục	Thành phần, thông số, đặc tính kỹ thuật vải hoặc chất liệu	ĐVT	Số lượng
			giặt: - Độ dẫn vải: + Dọc: $\leq 3\%$ + Ngang: $\leq 32\%$ - Độ hồi phục vải sau 30 phút + Dọc: $98\% \pm 1$ + Ngang: $98\% \pm 1$ - Định tính và định lượng nguyên liệu: + POLYESTER: $84\% \pm 3$ + SPANDER: $6\% \pm 3$ + RAYON: $10 \pm 3$ - Hàm lượng formaldehyde: Không phát hiện ( $< 16$ PPM) - Phai màu: $\geq$ Cấp 4 - Sự dịch chuyển thuốc nhuộm: $\geq$ Cấp 4		
17	Chân váy BN nữ A16	- Chất liệu: Vải Kate - Quy cách: Váy lưng dây rút và dây chun có in lô gô bệnh viện, in tên Khoa Quốc tế.	Mật độ vải: + Dọc: 710 sợi/10cm $\pm 5$ + Ngang: 410 sợi/10cm $\pm 5$ - Độ bền đứt băng vải: + Dọc: 1090 N $\pm 10$ + Ngang: 370 N $\pm 10$ - Độ dẫn đứt băng vải:	Cái	50

STT	Danh mục hàng hóa	Quy cách trang phục	Thành phần, thông số, đặc tính kỹ thuật vải hoặc chất liệu	ĐVT	Số lượng
			<ul style="list-style-type: none"> <li>+ Dọc: 25 % ± 5</li> <li>+ Ngang: 40% ± 5</li> <li>- Sự thay đổi kích thước sau 5 chu kỳ giặt:</li> <li>- Độ dẫn vải:</li> <li>+ Dọc: ≤ 3%</li> <li>+ Ngang: ≤ 32%</li> <li>- Độ hồi phục vải sau 30 phút</li> <li>+ Dọc: 98% ± 1</li> <li>+ Ngang: 98% ± 1</li> <li>- Định tính và định lượng nguyên liệu:</li> <li>+ POLYESTER: 84% ± 3</li> <li>+ SPANDER: 6 % ± 3</li> <li>+ RAYON: 10 ± 3</li> <li>- Hàm lượng formaldehyde: Không phát hiện (&lt; 16 PPM)</li> <li>- Phai màu: ≥ Cấp 4</li> <li>- Sự dịch chuyển thuốc nhuộm: ≥ Cấp 4</li> </ul>		
18	DRAP bọc nệm cao 13cm	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu: Vải Kate</li> <li>- Quy cách: Sọc dứa, may chun 4 góc, có in lô gô BV, in tên Khoa Quốc tế.</li> <li>- Kích thước:</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>* Chất liệu: vải sọc - CVC T300</li> <li>- Màu sắc: Sọc Trắng xám</li> <li>- Thành phần vải (%):</li> <li>+ Polyeste: 0, Cotton: 100</li> </ul>	Cái	500

STT	Danh mục hàng hóa	Quy cách trang phục	Thành phần, thông số, đặc tính kỹ thuật vải hoặc chất liệu	ĐVT	Số lượng
		0.88m*2m*13cm	- Mật độ (sợi/10cm): + Dọc: (700 ±5) + Ngang: (460 ±5). - Độ bền màu giặt ở 40 độ C (cấp): 4-5. - Hàm lượng Formaldehyde (không phát hiện)		
19	DRAP bọc nệm cao 10cm	- Chất liệu: Vải Kate - Quy cách: Sọc dứa, may chun 4 góc, có in lô gô BV, in tên Khoa Quốc tế - Kích thước: 1m55*2m*10cm	* Chất liệu: vải sọc - CVC T300 - Màu sắc: Sọc Trắng xám - Thành phần vải (%): + Polyeste: 0, Cotton: 100 - Mật độ (sợi/10cm): + Dọc: (700 ±5) + Ngang: (460 ±5). - Độ bền màu giặt ở 40 độ C (cấp): 4-5. - Hàm lượng Formaldehyde (không phát hiện)	Cái	100
20	Mền chần vi tính	* Chất liệu: Vải Kate sọc dứa, chần vi tính - Quy cách: chần vi tính, có in lô gô BV, in tên Khoa Quốc tế.	* Chất liệu: vải sọc - CVC T300 - Màu sắc: Sọc Trắng xám - Thành phần vải (%):	Cái	150

STT	Danh mục hàng hóa	Quy cách trang phục	Thành phần, thông số, đặc tính kỹ thuật vải hoặc chất liệu	ĐVT	Số lượng
		- Kích thước: 1m3*2m	+ Polyeste: 0, Cotton: 100 - Mật độ (sợi/10cm): + Dọc: (700 ±5) + Ngang: (460 ±5). - Độ bền màu giặt ở 40 độ C (cấp): 4-5. - Hàm lượng Formaldehyde (không phát hiện)		
<b>VI. Đồ vải bảo đảm cho khoa Chẩn đoán hình ảnh</b>					
21	Quần áo Bệnh nhân Khoa Chẩn đoán hình ảnh	- <b>Áo:</b> Chất liệu: Vải kate Màu sắc: Hoạ tiết hoa văn; Kiểu dáng: Pyjama Áo cổ tim, cài cúc giữa, dài tay, chiều dài áo ngang hông, phía trước có 3 túi, in lô gô Bệnh viện bên ngực trái. - <b>Quần:</b> Chất liệu: Vải kate Màu sắc: Cùng màu áo. Kiểu dáng: Cạp quần chun + dây luồn.	- Mật độ vải: + Dọc: 556 sợi/10cm ± 5 + Ngang: 280 sợi/10cm ± 5 - Độ bền đứt băng vải: + Dọc: 674 N ± 5 + Ngang: 270 N ± 5 - Độ dẫn đứt băng vải: + Dọc: 15% ± 2 + Ngang: 14.5% ± 2 - Sự thay đổi kích thước sau 5 chu kỳ giặt: - Độ dẫn vải:	Bộ	400

STT	Danh mục hàng hóa	Quy cách trang phục	Thành phần, thông số, đặc tính kỹ thuật vải hoặc chất liệu	ĐVT	Số lượng
			<ul style="list-style-type: none"> <li>+ Dọc: <math>\leq 2\%</math></li> <li>+ Ngang: <math>\leq 4.5\%</math></li> <li>- Độ hồi phục vải sau 30 phút</li> <li>+ Dọc: <math>99\% \pm 2</math></li> <li>+ Ngang: <math>99\% \pm 2</math></li> <li>- Định tính và định lượng nguyên liệu:</li> <li>+ POLYESTER: <math>62.4\% \pm 3</math></li> <li>+ COTTON: <math>37.6\% \pm 3</math></li> <li>- Hàm lượng formaldehyde: Không phát hiện (<math>&lt; 16</math> PPM)</li> <li>- Phai màu: <math>\geq</math> Cấp 4</li> <li>- Sự dịch chuyển thuốc nhuộm: <math>\geq</math> Cấp 4</li> <li>- Độ lệch màu:</li> <li>+ DE <math>\leq 0,5</math></li> </ul>		
22	Áo choàng Siêu âm ngực	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu: Vải Kate</li> <li>- Màu xanh dương</li> <li>- Quy cách: Không cài nút, buộc dây hai bên, In lô go Bệnh viện bên ngực trái</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Mật độ vải:</li> <li>+ Dọc: 250 sợi/10cm <math>\pm 5</math></li> <li>+ Ngang: 260 sợi/10cm <math>\pm 5</math></li> <li>- Độ bền đứt vải:</li> <li>+ Dọc: 725 N <math>\pm 5</math></li> <li>+ Ngang: 730 N <math>\pm 5</math></li> </ul>	Cái	300

STT	Danh mục hàng hóa	Quy cách trang phục	Thành phần, thông số, đặc tính kỹ thuật vải hoặc chất liệu	ĐVT	Số lượng
			<ul style="list-style-type: none"> <li>- Độ hồi phục vải (sau 30 phút):</li> <li>+ Dọc: 99% ± 2</li> <li>+ Ngang: 99% ± 2</li> <li>- Định tính và định lượng nguyên liệu:</li> <li>+ Polyester: 65% ± 3</li> <li>+ Cotton: 35% ± 3</li> <li>- Hàm lượng formaldehyde: Không phát hiện (&lt; 16 PPM)</li> <li>- Sự dịch chuyển thuốc nhuộm: Cấp ≥ 4</li> <li>- Độ lệch màu: ≤ 0.5</li> <li>- Độ bền màu giặt:</li> <li>+ Phai màu: Cấp ≥ 4</li> </ul>		
23	Váy siêu âm	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu: Vải Kate.</li> <li>- Màu xanh dương</li> <li>- Quy cách: Váy lưng dây rút và dây chun có in lô gô Bệnh viện.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Mật độ vải:</li> <li>+ Dọc: 250 sợi/10cm ± 5</li> <li>+ Ngang: 260 sợi/10cm ± 5</li> <li>- Độ bền đứt vải:</li> <li>+ Dọc: 725 N ± 5</li> <li>+ Ngang: 730 N ± 5</li> <li>- Độ hồi phục vải (sau 30 phút):</li> <li>+ Dọc: 99% ± 2</li> </ul>	Cái	300

STT	Danh mục hàng hóa	Quy cách trang phục	Thành phần, thông số, đặc tính kỹ thuật vải hoặc chất liệu	ĐVT	Số lượng
			<ul style="list-style-type: none"> <li>+ Ngang: <math>99\% \pm 2</math></li> <li>- Định tính và định lượng nguyên liệu:</li> <li>+ Polyester: <math>65\% \pm 3</math></li> <li>+ Cotton: <math>35\% \pm 3</math></li> <li>- Hàm lượng formaldehyde: Không phát hiện (<math>&lt; 16</math> PPM)</li> <li>- Sự dịch chuyển thuốc nhuộm: Cấp <math>\geq 4</math></li> <li>- Độ lệch màu: <math>\leq 0.5</math></li> <li>- Độ bền màu giặt:</li> <li>+ Phai màu: Cấp <math>\geq 4</math></li> </ul>		
24	Ga trải giường siêu âm	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu: Vải Kate.</li> <li>- Màu trắng</li> <li>- Quy cách: May chun 4 góc, có in lô gô Bệnh viện</li> <li>- Kích thước: 1mx2m</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Mật độ vải:</li> <li>+ Dọc: 252 sợi/10cm <math>\pm 5</math></li> <li>+ Ngang: 264 sợi/10cm <math>\pm 5</math></li> <li>- Độ bền đứt vải:</li> <li>+ Dọc: 739 N <math>\pm 10</math></li> <li>+ Ngang: 745 N <math>\pm 10</math></li> <li>- Độ dẫn đứt vải:</li> <li>+ Dọc: <math>26\% \pm 2</math></li> <li>+ Ngang: <math>24\% \pm 2</math></li> <li>- Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ</li> </ul>	Cái	100

STT	Danh mục hàng hóa	Quy cách trang phục	Thành phần, thông số, đặc tính kỹ thuật vải hoặc chất liệu	ĐVT	Số lượng
			giặt: + Dọc: $Co \leq 1.1 \%$ + Ngang: $Co \leq 1.5\%$ - Định tính và định lượng nguyên liệu: + POLYESTER: $65\% \pm 2$ + COTTON: $35\% \pm 2$ - Hàm lượng formaldehyde: Không phát hiện ( $< 16 \text{ PPM}$ ) - Phai màu: $\geq$ Cấp 4 - Sự dịch chuyển thuốc nhuộm: $\geq$ Cấp 4 - Độ lệch màu: $\leq 0.44$ - Độ dẫn vải: + Dọc: $1\% \pm 2$ + Ngang: $1\% \pm 2$ - Độ hồi phục vải (sau 1 phút): + Dọc: $99\% \pm 2$ + Ngang: $99\% \pm 2$		
25	Ga trải bàn máy CT-MRI	- Chất liệu: Vải Kate. - Màu trắng. - Quy cách: may bo viền 4 bên, có in lô gô Bệnh viện.	- Mật độ vải: + Dọc: 252 sợi/10cm $\pm 5$ + Ngang: 264 sợi/10cm $\pm 5$	Cái	100

STT	Danh mục hàng hóa	Quy cách trang phục	Thành phần, thông số, đặc tính kỹ thuật vải hoặc chất liệu	ĐVT	Số lượng
		- Kích thước: 0,8x2m	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Độ bền đứt vải:</li> <li>+ Dọc: 739 N ± 10</li> <li>+ Ngang: 745 N ± 10</li> <li>- Độ dẫn đứt vải:</li> <li>+ Dọc: 26% ± 2</li> <li>+ Ngang: 24% ± 2</li> <li>- Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt:</li> <li>+ Dọc: <math>C_o \leq 1.1 \%</math></li> <li>+ Ngang: <math>C_o \leq 1.5\%</math></li> <li>- Định tính và định lượng nguyên liệu:</li> <li>+ POLYESTER: 65% ± 2</li> <li>+ COTTON: 35% ± 2</li> <li>- Hàm lượng formaldehyde: Không phát hiện (&lt; 16 PPM)</li> <li>- Phai màu: ≥ Cấp 4</li> <li>- Sự dịch chuyển thuốc nhuộm: ≥ Cấp 4</li> <li>- Độ lệch màu: ≤ 0.44</li> <li>- Độ dẫn vải:</li> <li>+ Dọc: 1% ± 2</li> <li>+ Ngang: 1% ± 2</li> </ul>		

STT	Danh mục hàng hóa	Quy cách trang phục	Thành phần, thông số, đặc tính kỹ thuật vải hoặc chất liệu	ĐVT	Số lượng
			- Độ hồi phục vải (sau 1 phút): + Dọc: 99% ± 2 + Ngang: 99% ± 2		

Bất kỳ thương hiệu, mã hiệu, danh từ riêng (nếu có) trong bảng yêu cầu kỹ thuật chỉ mang tính chất minh họa cho các tiêu chuẩn chất lượng, tính năng kỹ thuật khó mô tả. Nhà thầu có thể lựa chọn nguyên, vật liệu có nguồn gốc, xuất xứ, nhà sản xuất, thương hiệu, mã hiệu phù hợp với điều kiện cung cấp nhưng đảm bảo yêu cầu tiêu chuẩn kỹ thuật tương đương hoặc ưu việt hơn các tiêu chí yêu cầu của E-HSMT.

### 1.3. Các yêu cầu khác:

#### 1.3.1. Các cam kết của nhà thầu:

- Hàng hóa cung cấp mới 100%, sản xuất năm 2025 trở về sau, đóng gói theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất. Có chào rõ ký mã hiệu (theo quy định của nhà sản xuất); Nhãn mác sản phẩm (theo quy định của nhà sản xuất); Tên nhà sản xuất cho từng danh mục hàng hóa tham dự thầu.

- Cam kết chịu toàn bộ chi phí vận tải, bốc xếp, bảo hiểm, cất giữ trong quá trình cung ứng hàng hóa, kiểm tra, nghiệm thu và giao nhận hàng.

- Cam kết bảo hành hàng hóa trong vòng  $\geq 12$  tháng, kể từ ngày nghiệm thu, bàn giao.

- Cam kết trong thời hạn bảo hành trang phục bị bung chỉ, cúc, ... phải sửa chữa.

- Chất liệu hàng hóa phải ổn định về mặt kết cấu và màu sắc (không phai màu) khi được giặt tẩy với xà bông và javel nếu chất lượng kém phải đổi mới.

- Cam kết sẵn sàng thay thế lô sản phẩm khi không đảm bảo chất lượng sử dụng do lỗi kỹ thuật (Trường hợp kiểm tra hàng không đúng chất lượng hoặc hàng chưa sử dụng nhưng bị hỏng do nhà thầu cung cấp: Chủ đầu tư trả lại và nhà thầu cam kết đổi hàng hóa mới đáp ứng theo yêu cầu).

### **1.3.2. Yêu cầu về danh mục, kỹ thuật gia công và tiêu chí đánh giá hàng mẫu:**

#### **1.3.2.1. Danh mục hàng mẫu theo yêu cầu:**

\*Nhà thầu phải cung cấp mẫu vải kích thước 20 x 20 cm, kèm theo các hàng mẫu dự thầu theo yêu cầu của E-HSMT, cụ thể:

#### I. Trang phục công tác cho cán bộ nhân viên khối gián tiếp

- Quần áo nhân viên văn phòng, khối gián tiếp nam: 01 Bộ
- Quần áo nhân viên văn phòng, khối gián tiếp nữ: 01 Bộ
- Trang phục bảo vệ: 01 Bộ
- Trang phục lái xe: 01 Bộ
- Trang phục nhân viên nấu ăn: 01 Bộ
- Trang phục kỹ sư, nhân viên bảo trì, sửa chữa: 01 Bộ
- Giày da nam: 01 Đôi
- Giày da nữ: 01 Đôi

#### II. Trang phục nhân viên chăm sóc khách hàng, Khám bệnh theo yêu cầu

- Quần áo công tác: 01 Bộ

#### III. Đồ vải Khoa C16

- Quần áo lấy máu: 01 Bộ
- Bao ghế lấy máu: 01 Bao
- Gói lấy máu: 01 Cái

#### IV. Đồ vải phục vụ khám sức khỏe của Phòng KHTH

- Quần áo Bệnh nhân Khám bệnh: 01 Bộ
- Váy khám phụ khoa: 01 Cái

#### V. Đồ vải Khoa A16

- Quần áo Bệnh nhân nữ A16: 01 Bộ
- Quần áo Bệnh nhân Nam A16: 01 Bộ
- Chân váy BN nữ A16: 01 Cái
- DRAP bọc nệm cao 13cm: 01 Cái
- DRAP bọc nệm cao 10cm: 01 Cái
- Mền chần vi tính: 01 Cái

#### VI. Đồ vải bảo đảm cho khoa Chẩn đoán hình ảnh

- Quần áo Bệnh nhân Khoa Chẩn đoán hình ảnh: 01 Bộ
- Áo choàng Siêu âm ngực: 01 Cái
- Váy siêu âm: 01 Cái
- Ga trải giường siêu âm: 01 Cái
- Ga trải bàn máy CT-MRI: 01 Cái

#### **1.3.2.2. Tiêu chí đánh giá hàng mẫu của Chủ đầu tư về chất lượng gia công:**

##### **a) Áo:**

- Hàng hóa mẫu phải có chất liệu, quy cách, kiểu dáng, thành phần và màu sắc đảm bảo tiêu chuẩn kỹ thuật theo yêu cầu của E-HSMT.
- Đường may: Chặt, đều, đẹp, không bỏ mũi, không đứt chỉ.
- Nách và tay áo: đối xứng bằng nhau.
- Tay áo tra đẹp, không vụn.
- Túi áo đóng vuông thành, sắc cạnh, đúng vị trí, cân nhau không lệch.
- Mật độ mũi chỉ tối thiểu 5 mũi/ cm, chỉ 60/3.
- Chỉ may chắp vạt sổ cùng màu vải chính. Chỉ thừa 60/3 cùng màu cúc.
- Chỉ đính cúc 60/3 cùng màu cúc. Chỉ may nhãn cùng màu nhãn.

- Các chi tiết may phải đối xứng, đảm bảo đúng quy cách, đúng thông số kích thước. Các đường may phải êm phẳng, lại mũi đảm bảo chắc chắn.

- Thùa khuyết: Khuyết thừa đầu bằng – Vị trí thừa theo mẫu.

- Nẹp thừa 5 khuyết – nẹp thừa bên trái khi mặc – Khuyết thừa nẹp ngang.

- Cúc: Đính chéo. Đính cúc bằng máy đính thoi. Cúc 2cm: 5 nẹp, chắc chắn, không bung.

- Khuy sắc sảo, đẹp, khuy lớn hơn nút 2mm.

- Sản phẩm hoàn thành là phẳng, không là bóng, hoặc bóng mặt vải. Sản phẩm hoàn thành phải đảm bảo vệ sinh công nghiệp, không còn đầu chỉ sơ vải.

#### **b) Quần:**

- Hàng hóa mẫu phải có chất liệu, quy cách, kiểu dáng, thành phần và màu sắc đảm bảo tiêu chuẩn kỹ thuật theo yêu cầu của E-HSMT.

- Đường may: Chặt, đều, đẹp, không bỏ mũi, không đứt chỉ.

- Lưng quần chắc chắn, sắc nét.

- Mật độ mũi chỉ tối thiểu 5 mũi /1 cm.

- Chỉ 60/3: chỉ may, vắt sổ cùng màu vải chính.

- Chỉ may lót túi cùng màu lót túi.

- Chỉ thừa 60/3 cùng màu vải chính.

- Chỉ đính cúc 60/3 cùng màu vải chính.

- Các chi tiết may phải đối xứng, các đường may êm phẳng, lại mũi đảm bảo chắc chắn. Đảm bảo đúng thông số kỹ thuật.

- Khuyết thừa đầu bằng - khuyết dài theo cúc - vị trí theo mẫu.

- Sản phẩm phải vệ sinh công nghiệp sạch sẽ, là phẳng toàn bộ sản phẩm sau khi hoàn thiện không bị bong hay hỏng mặt vải.

**c) Váy:**

- Hàng hóa mẫu phải có chất liệu, quy cách, kiểu dáng, thành phần và màu sắc đảm bảo tiêu chuẩn kỹ thuật theo yêu cầu của E-HSMT.

- Đường may: Chặt, đều, đẹp, không bỏ mũi, không đứt chỉ.

- Lưng váy chắc chắn, sắc nét.

- Mật độ mũi chỉ tối thiểu 5 mũi /1 cm.

- Chỉ 60/3: chỉ may, vắt sổ cùng màu vải chính.

- Chỉ may lót túi cùng màu lót túi.

- Chỉ thùa 60/3 cùng màu vải chính.

- Chỉ đính cúc 60/3 cùng màu vải chính.

- Các chi tiết may phải đối xứng, các đường may êm phẳng, lại mũi đảm bảo chắc chắn. Đảm bảo đúng thông số kỹ thuật.

- Khuyết thùa đều bằng - khuyết dài theo cúc - vị trí theo mẫu.

- Sản phẩm phải vệ sinh công nghiệp sạch sẽ, là phẳng toàn bộ sản phẩm sau khi hoàn thiện không bị bong hay hỏng mặt vải.

**d) Đồ vải:**

- Đường may: Chặt, đều, đẹp, không bỏ mũi, không đứt chỉ, chắc chắn, sắc nét, ...

**e) Giày da:**

- Chất liệu, màu sắc, đường chỉ may, dán keo, ...

**Mục 2. Bản vẽ:** Không có.

**Mục 3. Kiểm tra và thử nghiệm:**

- Kiểm tra đối với hàng mẫu trong quá trình đánh giá E-HSĐT theo các tiêu chí được nêu tại mục 3, Chương III và mục 1.2, 1.3.2, Chương V của E-HSMT.

- Thử nghiệm: Nhà thầu phải cung cấp Phiếu kiểm nghiệm vải, chất liệu giày da của cơ quan (đơn vị) có thẩm quyền có chức năng kiểm nghiệm theo quy định phát hành để chứng minh đáp ứng các chỉ tiêu yêu cầu được quy tại Mục 1.2. Yêu cầu về kỹ thuật thuộc Phần 2 Chương V của E-HSMT.